TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29-01-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hà Thế Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

ông Phạm Văn Thành

bà Lại Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Hoài Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 281/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/01/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/01/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Đinh Ngọc C, sinh năm: 1989; nghề nghiệp: công nhân; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: số 140/32, đường ĐBP, phường MB, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Bị đơn: anh Trần Anh Q, sinh năm: 1981; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: tổ 14, ấp S, xã X, huyện CM, tỉnh Đồng Nai;

(chị C và anh Q vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Đinh Ngọc C trình bày: chị và anh Q đã tìm hiểu nhau, sau đó gia đình hai bên có tổ chức bữa tiệc nhỏ ra mắt họ hàng, không tổ chức lễ cưới, cả hai bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2010 tại nhà cha mẹ chị. Đến năm 2012 thì cả hai người tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MB, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; đây là hôn nhân lần đầu tiên của cả hai người. Vợ chồng sống hạnh phúc chưa được bao lâu thì sinh ra mâu thuẫn do anh Q ham mê bài bạc và hay kiếm chuyện cãi nhau và còn đánh chị; từ khoảng tháng 5 năm 2012 thì anh Q tự ý bỏ đi và chỉ liên lạc với chị bằng điện thoại khoảng 3 lần; từ tháng 7 năm 2012

đến nay thì vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Vợ chồng đã không sống chung trong thời gian dài nên chị không còn tình cảm với anh Q nữa và yêu cầu được ly hôn. Thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung là Trần Minh C, sinh ngày 22/4/2012, cháu sống cùng chị từ nhỏ đến nay; khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu C, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: do vợ chồng không có tài sản chung và cũng không thiếu nợ ai nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Bị đơn (anh Trần Anh Q) mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan tới vụ án, tuy nhiên anh Q vẫn không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai trong hồ sơ.

* Theo biên bản lấy lời khai ngày 16/11/2018 của bà Lê Thị Đ trình bày: bà là mẹ ruột của anh Trần Anh Q. Khoảng 8 năm về trước, anh Q có dẫn chị C về giới thiệu với gia đình và nói chị C đã có thai và hai người lên Sài Gòn sinh sống. Hai gia đình cũng không gặp nhau, không làm đám cưới, bà cũng không biết hai người có đăng ký kết hôn hay không. Anh Q và chị C đã có 01 con chung nhưng bà không biết cháu tên gì. Về tài sản chung, nợ chung của anh Q và chị C thì bà không biết. Khi con được hơn 01 tuổi, giữa hai người xảy ra mâu thuẫn nên đã ly thân, nguyên nhân thì bà không biết.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: về quan hệ hệ pháp luật, việc thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) thực hiện đúng theo quy định pháp luật; quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo. Về áp dụng pháp luật đề nghị áp dụng Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây viết tắt là Luật HN&GĐ) và Điều 89 của Luật HN&GĐ năm 2000 để giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị C ly hôn anh Q; về con chung: đề nghị giao cháu C cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng và anh Q tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con do chị C không yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị Đinh Ngọc C khởi kiện anh Trần Anh Q để yêu cầu ly hôn và giành quyền nuôi con nên xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong đó chị C là nguyên đơn, anh Q là bị đơn trong vụ án.

Nguyên đơn (chị Đinh Ngọc C) vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp. Bị đơn (anh Trần Anh Q) được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở

ngại khách quan, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: chị Đinh Ngọc C và anh Trần Anh Q tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND phường MB, quận B và được được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 04/4/2012, nên hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị C nhận thấy: chị C cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc anh Q ham mê bài bạc, hay kiếm cớ gây chuyện nên vợ chồng cãi nhau, thậm chí anh Q có đánh chị. Vợ chồng ly thân từ tháng 5/2012 đến nay và không còn liên lạc với nhau. Theo lời trình bày của bà Đ, là mẹ ruột của anh Q thể hiện: do mâu thuẫn nên anh Q và chị C đã không còn sống chung với nhau kể từ thời điểm con chung hơn 01 tuổi. Như vậy có cơ sở xác định chị C và anh Q đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, giữa hai người đã không sống chung với nhau trong thời gian khá dài, điều này đã ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, khiến mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị C là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về con chung: xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của chị C nhận thấy: từ nhỏ đến nay việc chăm sóc, dạy dỗ cháu C do chị C thực hiện. Bản thân anh Q cũng không đưa ra ý kiến gì dù biết chị C yêu cầu giành quyền nuôi con. Do đó, HĐXX giao cháu C cho chị C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: chị C không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời không buộc anh Q thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và đường lối giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận. Riêng đề nghị áp dụng pháp luật về hôn nhân gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án là không phù hợp nên không chấp nhận, bởi lẽ: hôn nhân giữa chị C và anh Q mặc dù được xác lập từ năm 2012, tức là thời điểm Luật HN&GĐ năm 2000 có hiệu lực, nhưng thời điểm chị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về quyền nuôi con là vào năm 2018, thời điểm mà Luật HN&GĐ năm 2014 đã có hiệu lực; đồng thời, trong vụ án này không có ai yêu cầu giải quyết về vấn đề tài sản chung; do đó các căn cứ để xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện về quan hệ hôn nhân và về quyền nuôi con phải áp dụng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của BLTTDS; các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật HN&GĐ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Đinh Ngọc C được ly hôn anh Trần Anh Q.

2. Về con chung: giao cháu Trần Minh C, sinh ngày 22/4/2012 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Q không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo đảm cho đến khi trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí: chị Đinh Ngọc C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị C đã nộp tại biên lai thu tiền số 004422 ngày 20/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM; chị C đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND phường MB, Q. B;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Hà Thế Nam